

Số: .../2022/QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định**

## **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;*

*Căn cứ Nghị quyết số.../2022/NQ-HĐND ngày .../.../2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 77/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 39/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 quy định mức chi, định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định**

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 1 như sau:

“2. Các nội dung quy định về mức chi, nội dung chi, lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định không được quy định tại Quyết định này được thực hiện theo quy định của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016, Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022 của Bộ Tài chính và pháp luật hiện hành có liên quan.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

**“Điều 3. Nội dung và mức chi**

**1. Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân:**

***a. Văn bản mới hoặc thay thế:***

- + Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/đề cương;
- + Cấp huyện: 1.000.000 đồng/đề cương;
- + Cấp xã: 750.000 đồng/đề cương.

***b. Văn bản sửa đổi, bổ sung:***

- + Cấp tỉnh: 800.000 đồng/đề cương;
- + Cấp huyện: 650.000 đồng/đề cương;
- + Cấp xã: 500.000 đồng/đề cương.

**2. Chi soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân.**

***a. Văn bản mới hoặc thay thế:***

- + Cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/dự thảo văn bản;
- + Cấp huyện: 3.000.000 đồng/dự thảo văn bản;
- + Cấp xã: 2.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

***b. Văn bản sửa đổi, bổ sung:***

- + Cấp tỉnh: 3.200.000 đồng/dự thảo văn bản;
- + Cấp huyện: 2.500.000 đồng/dự thảo văn bản;
- + Cấp xã: 2.000.000 đồng/dự thảo văn bản.

### **3. Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản và hoàn thiện văn bản.**

a) Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 2.400.000 đồng/tờ trình.

b) Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý:

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định ban hành mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân:

+ Cấp tỉnh: 720.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 600.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 450.000 đồng/báo cáo.

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều:

+ Cấp tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 350.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 250.000 đồng/báo cáo;

c) Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận:

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết ban hành mới hoặc thay thế của Hội đồng nhân dân, quyết định ban hành mới hoặc thay thế của Ủy ban nhân dân:

+ Cấp tỉnh: 400.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 350.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo.

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều:

+ Cấp tỉnh: 250.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 200.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 150.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo đánh giá tác động của chính sách ở cấp tỉnh: 6.400.000 đồng/báo cáo.

đ) Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo (nếu trong dự án, dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới): 1.600.000 đồng/báo cáo.

e) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự án, dự thảo văn bản (nếu trong dự án, dự thảo có quy định thủ tục hành chính): 1.600.000 đồng/bản đánh giá thủ tục hành chính.

g) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: 3.200.000 đồng/báo cáo.

h) Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: 2.400.000 đồng/báo cáo.

i) Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật:

- Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tư pháp: 5.500.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 4.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện: 1.500.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất: 8.000.000 đồng/báo cáo;

- Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật: 4.000.000 đồng/báo cáo.

4. Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra:

a) Văn bản góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân:

+ Cấp tỉnh: 300.000 đồng/văn bản;

+ Cấp huyện: 250.000 đồng/văn bản;

+ Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản;

b) Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra:

- Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo.

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân:

+ Cấp tỉnh: 600.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp huyện: 500.000 đồng/báo cáo;

+ Cấp xã: 400.000 đồng/báo cáo.

5. Chính lý hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản:

- + Cấp tỉnh: 250.000 đồng/lần chỉnh lý;
- + Cấp huyện: 200.000 đồng/lần chỉnh lý;
- + Cấp xã: 150.000 đồng/lần chỉnh lý.

6. Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo.

a) Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật:

- Chủ trì:

- + Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/cuộc họp;
- + Cấp huyện: 120.000 đồng/người/cuộc họp;
- + Cấp xã 90.000 đồng/người/cuộc họp;

- Các thành viên tham dự:

- + Cấp tỉnh: 100.000 đồng/người/cuộc họp;
- + Cấp huyện: 80.000 đồng/người/cuộc họp;
- + Cấp xã: 50.000 đồng/người/cuộc họp;

- Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự:

- + Cấp tỉnh: 320.000 đồng/văn bản;
- + Cấp huyện: 260.000 đồng/văn bản;
- + Cấp xã: 200.000 đồng/văn bản.

b) Tham dự cuộc họp báo công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành:

- Người chủ trì cuộc họp: mức chi 150.000 đồng/người/cuộc họp;
- Các thành viên tham dự: mức chi 70.000 đồng/người/cuộc họp.

7. Chi thuê dịch và hiệu đính tài liệu dịch

a) Dịch tài liệu tiếng nước ngoài sang tiếng Việt: mức chi 120.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

b) Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: mức chi 150.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

c) Dịch tài liệu tiếng Việt sang tiếng dân tộc thiểu số: mức chi 120.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

d) Hiệu đính tài liệu dịch: mức chi 50.000 đồng/trang (350 từ/trang tài liệu được dịch);

đ) Đối với một số ngôn ngữ không phổ thông mức chi biên dịch được phép tăng 30% so với mức chi tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này.

8. Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập:

Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập thì mức chi:

- + Cấp tỉnh: 1.200.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp huyện: 1.000.000 đồng/báo cáo;
- + Cấp xã: 800.000 đồng/báo cáo.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

**“Điều 4. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật**

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật thực hiện trên cơ sở các hoạt động, nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3 của Nghị quyết này và được thực hiện như sau:

a) Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân:
  - + Cấp tỉnh: tối đa 24 triệu đồng/dự thảo;
  - + Cấp huyện: tối đa 12 triệu đồng/dự thảo;
  - + Cấp xã: tối đa 8 triệu đồng/dự thảo.
- Dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân:
  - + Cấp tỉnh: tối đa 16 triệu đồng/dự thảo;
  - + Cấp huyện: tối đa 8 triệu đồng/dự thảo;
  - + Cấp xã: tối đa 6,4 triệu đồng/dự thảo.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều: Định mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định).

a) Kinh phí thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh: tối đa 3 triệu đồng.

b) Kinh phí thẩm định, thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật:

- Đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành mới: tối đa 1,6 triệu đồng; đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 1,2 triệu đồng.

- Đối với dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành mới: tối đa 1,6 triệu đồng; đối với dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung: tối đa 1,2 triệu đồng.

- Đối với các văn bản quy phạm pháp luật khác: Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật.

3. Ngoài định mức phân bổ kinh phí quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí, trong trường hợp cần thiết thủ trưởng cơ quan, đơn vị chủ trì sắp xếp, bố trí từ khoản kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị để hỗ trợ cho việc thực hiện các hoạt động có liên quan trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.”

## **Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

## **Điều 3. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành liên quan;
- Sở Tư pháp;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo và chuyên viên VP UBND tỉnh;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, K....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**